

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp bảo tồn và phát triển làng nghề, phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Tạo động lực thúc đẩy phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường xác định bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, chặt chẽ của các cấp uỷ đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân. Bám sát quan điểm chỉ đạo, các định hướng và các nhiệm vụ trọng tâm; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện phải toàn diện, có tính khả thi, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách, kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, huy động đa dạng các nguồn lực xã hội thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Chỉ tiêu bảo tồn và phát triển làng nghề

- Khôi phục, bảo tồn, phát triển 04 làng nghề truyền thống đã được công nhận nhưng hoạt động chưa hiệu quả, có nguy cơ mai một, thất truyền¹.

- Phần đầu có trên 50% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận hoạt động có hiệu quả; trên 70% lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản.

- Phần đầu có từ 15% làng nghề có sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) đạt từ 3 sao trở lên; có từ 40% làng nghề được công nhận có sản phẩm phục vụ du lịch.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 5,56%/năm.

- 100% làng nghề đang hoạt động đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

2.2. Chỉ tiêu phát triển ngành nghề nông thôn

- Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt từ 5,56%/năm.

- Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn gấp 1,5 lần so với năm 2025.

¹ Gồm: Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm dân tộc Tày, xã Xuân Giang; Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm dân tộc Pa Thẻn, xã Tân Trịnh; Làng nghề truyền thống sản xuất giấy bản dân tộc Dao thôn Thanh Sơn, xã Bắc Quang; Làng nghề truyền thống nấu rượu thóc Nàng Đôn, xã Pờ Ly Ngài.

- Thu hút được khoảng 98.295 lao động thường xuyên trong các hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Tỷ lệ lao động tại các cơ sở ngành nghề nông thôn được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đạt từ 70% trở lên.

- Phân đầu hình thành các vùng nguyên liệu ổn định đáp ứng khoảng 70% nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng bền vững, tích hợp đa giá trị, hiện đại, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử và truyền thống của địa phương; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

III. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Bảo tồn và phát triển làng nghề

1.1. Phát huy vai trò của thợ giỏi trong làng nghề

- Phát huy vai trò đội ngũ thợ giỏi, thợ tay nghề cao trong các làng nghề để thúc đẩy công tác đào tạo nghề, truyền nghề nhằm lan tỏa các giá trị văn hoá nghề truyền thống của địa phương, bảo tồn và phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm có giá trị. Tổ chức rà soát và thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi theo quy định; khuyến khích nghệ nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động truyền dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động trẻ, con em đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần khắc phục tình trạng thiếu lao động kế cận trong các làng nghề.

- Gắn vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi với các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn; khuyến khích nghệ nhân tham gia cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm hài hòa giữa yếu tố truyền thống và yêu cầu của thị trường. Tạo điều kiện để nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, trình diễn nghề truyền thống tại các sự kiện văn hóa, lễ hội, hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề Tuyên Quang.

1.2. Bảo tồn, phát triển làng nghề đã được công nhận

a) Đối với các làng nghề hoạt động hiệu quả

- Tập trung phát triển các làng nghề sản xuất có giá trị kinh tế cao và tiềm năng lớn (các làng nghề có sản phẩm phục vụ du lịch); khuyến khích sự lan tỏa, truyền nghề, đẩy mạnh hỗ trợ nghiên cứu, sáng tạo phát triển sản phẩm mới, hình thành các cơ sở sản xuất tập trung, phù hợp với điều kiện thực tế để phát huy tốt lợi thế vùng.

- Tổ chức lại hoạt động của các làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng khuyến khích hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, phát triển sản xuất gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; Thu hút nguồn lực từ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân quan tâm đầu tư phát triển làng nghề. Tăng

cường công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn các cơ sở sản xuất làng nghề tham gia vào Chương trình OCOP.

- Đầu tư hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất để tạo ra các sản phẩm chất lượng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường; chú trọng công tác đào tạo nghề, đặc biệt là lao động có tay nghề cao.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống nhằm tìm kiếm, kết nối thị trường tiêu thụ.

(Danh sách các làng nghề cần hỗ trợ phát triển tại phụ lục 01 kèm theo)

b) Đối với làng nghề hoạt động chưa hiệu quả, có nguy cơ mai một

- Tiến hành rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các làng nghề, xác định những khó khăn, vướng mắc, xây dựng kế hoạch hỗ trợ khắc phục, bảo tồn, phát triển làng nghề.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho lao động trong làng nghề; khuyến khích nghệ nhân, thợ giỏi tham gia truyền nghề, dạy nghề, đặc biệt là lao động trẻ, lao động kế cận.

- Định hướng, hỗ trợ và tổ chức lại hoạt động sản xuất của các làng nghề theo hướng thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã để tổ chức sản xuất, liên kết với các đơn vị cung ứng, phân phối sản phẩm. Từ đó, nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo việc làm và thu hút lao động tham gia làng nghề để từng bước đưa làng nghề hoạt động có hiệu quả.

- Hỗ trợ làng nghề ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm làng nghề. Thu hút doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư, liên kết với làng nghề để tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

(Danh sách các làng nghề cần hỗ trợ khôi phục, bảo tồn tại phụ lục 02 kèm theo)

1.3. Phát triển làng nghề mới

- Tổ chức rà soát, khảo sát và đánh giá các làng có nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, nhất là tại khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, để lựa chọn những làng nghề, nghề truyền thống đáp ứng đủ tiêu chí theo quy định và có tiềm năng phát triển bền vững. Trên cơ sở kết quả khảo sát, hỗ trợ các địa phương, cơ sở sản xuất hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Hội đồng thẩm định, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề theo quy định.

- Tập trung phát triển và đẩy nhanh tiến độ công nhận các làng nghề mới trên cơ sở các làng có nghề hiện có; định hướng phát triển làng nghề theo thế mạnh về nguyên liệu, lao động, tri thức bản địa và bản sắc văn hóa của từng địa phương, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên phát triển các làng nghề quy mô phù hợp, sử dụng lao động tại chỗ, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân nông thôn, đồng thời hạn chế tác động đến

môi trường, bảo đảm phát triển bền vững và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

1.4. Thu hồi bằng công nhận đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo tiêu chí

Tiến hành rà soát, đánh giá các làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định tại khoản 6, Điều 6, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018; khoản 13 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP) của Chính phủ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi quyết định nhận.

2. Phát triển ngành nghề nông thôn

2.1. Nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản

- Phát triển nhóm ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn chặt với vùng nguyên liệu tập trung, ổn định như: chè, cây ăn quả, cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ và một số sản phẩm chăn nuôi. Ưu tiên bảo tồn, phát triển các ngành nghề chế biến truyền thống kết hợp với ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Khuyến khích đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, từng bước phát triển chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch. Gắn phát triển ngành nghề chế biến với xây dựng, quản lý mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng; thúc đẩy phát triển các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng tham gia chuỗi giá trị trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị giữa hộ sản xuất, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Doanh nghiệp; hình thành các cơ sở, cụm chế biến phù hợp với điều kiện từng địa phương, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

2.2. Nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

- Bảo tồn, phục hồi và phát triển các ngành nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ gắn với giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh như: mây tre đan, dệt thổ cẩm, rèn, chế tác sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Chú trọng gìn giữ kỹ thuật, bí quyết nghề truyền thống, gắn với tôn vinh nghệ nhân, truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ.

- Hỗ trợ cải tiến mẫu mã, thiết kế sản phẩm theo hướng kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và nhu cầu thị trường hiện đại; nâng cao chất lượng, tính thẩm mỹ và giá trị sử dụng của sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nghệ nhân, thợ giỏi và người lao động tham gia các khoá học thiết kế mẫu mã, tạo hình, phối màu, phối hợp chất liệu trong sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Tăng cường liên kết giữa các nghề thủ công mỹ nghệ gắn với vùng nguyên liệu, vật liệu; thúc đẩy nghiên cứu, cải tiến tạo ra các sản phẩm mới, độc đáo thân thiện với môi trường, có tính nghệ thuật và sức lan toả lớn.

- Gắn phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ với du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng; từng bước hình thành các điểm du lịch làng nghề tiêu biểu, tạo sinh kế bền vững cho người dân nông thôn, góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.3. Nhóm xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn

- Phát triển các ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân nông thôn theo hướng đa dạng, phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sản xuất tại địa phương. Khuyến khích các mô hình sản xuất quy mô hộ gia đình, Tổ hợp tác, Hợp tác xã và Doanh nghiệp nhỏ, sử dụng nguyên liệu tại chỗ, lao động địa phương, thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh môi trường; từng bước hình thành các cơ sở sản xuất ổn định, có khả năng mở rộng quy mô, tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa khu vực nông thôn và đô thị lân cận.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với các hoạt động sơ chế, chế biến để giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ khu vực khác; chú trọng phát triển các điểm sơ chế, chế biến nguyên liệu liên kết cung ứng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn trong và ngoài tỉnh, góp phần tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2.4. Nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, đan lát, cơ khí nhỏ

- Phát triển nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, đan lát, cơ khí nhỏ theo hướng khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ, nhất là gỗ rừng trồng, tre, nứa, song mây và lao động nông thôn của tỉnh. Ưu tiên các ngành nghề có truyền thống, có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều việc làm, phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nghiên cứu, cải thiện sản phẩm hiện có và phát triển sản phẩm mới, đa dạng hoá mẫu mã, kiểu dáng, kích thước sản phẩm để phục vụ tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất, cải tiến quy trình kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn lao động; khuyến khích sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tăng cường đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn; gắn phát triển sản xuất với xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng và quản lý chặt chẽ vùng nguyên liệu đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia trong lĩnh vực sản xuất đồ gỗ, dệt may, đan lát.

2.5. Nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh

- Ưu tiên phát triển nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh theo hướng chuyên nghiệp, bền vững, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan sinh thái và phát triển du lịch nông thôn.

- Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh, hướng tới hình thành ngành kinh tế xanh; gắn với phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, tập trung trên địa bàn một số xã, phường như: Bắc Quang, Vị Xuyên, Quản Bạ, Đồng Văn, Phố Cáo, Sơn Dương, Ham Yên, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2, phường Minh Xuân, phường Nông Tiến, phường Bình Thuận, phường An Tường, phường Mỹ Lâm.

- Khuyến khích ứng dụng khoa học – kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nhân giống, chăm sóc, tạo dáng, bảo quản sinh vật cảnh; phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh, tạo sân chơi cho nghệ nhân, thợ giỏi chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, nhân giống, lai tạo, thiết kế và chế tác các sản phẩm đặc sắc, nhưng vẫn giữ được nét văn hoá truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

2.6. Nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn

- Hình thành, củng cố và phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, hộ kinh doanh và cá nhân cung cấp dịch vụ tại khu vực nông thôn, phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ, phân tán và nhu cầu thực tế của người dân. Ưu tiên phát triển các dịch vụ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn như cung ứng vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, dịch vụ, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản, góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân.

- Từng bước đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phục vụ đời sống dân cư nông thôn, phù hợp với điều kiện địa hình miền núi, phân bố dân cư không đồng đều của tỉnh; khuyến khích phát triển các dịch vụ thương mại, sửa chữa, vận tải nhỏ, dịch vụ sinh hoạt thiết yếu, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí ngày càng cao của người dân nông thôn, nhất là tại các xã xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

- Định hướng phát triển gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động trong sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động tham gia các hoạt động dịch vụ; qua đó tạo thêm việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần phát triển kinh tế nông thôn bền vững và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Tuyên Quang.

3. Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề, ngành nghề

- Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định, gắn với nhu cầu sản xuất của làng nghề, ưu tiên các sản phẩm nguyên liệu chủ lực, đặc trưng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng và lợi thế của từng địa phương, nhất là khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước áp dụng khoa học, công

nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nguyên liệu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, bảo đảm tính ổn định, bền vững nguồn nguyên liệu phục vụ làng nghề.

- Khuyến khích và hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, hộ gia đình và cá nhân tham gia đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề theo chuỗi liên kết; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định, phù hợp với yêu cầu của thị trường và điều kiện sản xuất tại địa phương. Tạo điều kiện để các chủ thể tham gia vùng nguyên liệu tiếp cận các chính sách hỗ trợ về đất đai, vốn, khoa học - kỹ thuật và đào tạo.

- Tăng cường liên kết giữa các vùng nguyên liệu và giữa vùng nguyên liệu với các cơ sở sản xuất làng nghề nhằm chủ động nguồn cung đầu vào, giảm phụ thuộc vào thị trường bên ngoài. Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu từ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản đến cung ứng cho làng nghề, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm làng nghề và phát triển bền vững ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ hoạt động sản xuất làng nghề, gắn với chỉnh trang cảnh quan, bảo đảm phù hợp với điều kiện địa hình miền núi, phân tán của các làng nghề, nhất là các làng nghề ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước, mặt bằng sản xuất, khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phát triển du lịch làng nghề.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ môi trường làng nghề; thành lập, duy trì tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề, bao gồm hệ thống thu gom, thoát nước, xử lý nước thải (nếu có), điểm tập kết, thu gom và xử lý chất thải rắn bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến các cơ sở sản xuất, hộ gia đình trong làng nghề; nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và sản xuất bền vững.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các quy trình, công nghệ sản xuất mới, công nghệ phù hợp với quy mô làng nghề; khuyến khích sử dụng, tái sử dụng các phụ phẩm nông, lâm nghiệp tại địa phương làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất làng nghề; áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải tại nguồn, sản xuất thân thiện với môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

5. Phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng nông thôn mới

- Tập trung phát triển làng nghề gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp, lấy khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã an toàn khu làm trọng tâm. Khai thác các giá trị văn hóa bản địa, tri thức truyền thống, không gian sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng dân cư để hình thành

các sản phẩm du lịch làng nghề đặc thù, gắn với đời sống văn hóa của các dân tộc, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao giá trị sản phẩm làng nghề.

- Ưu tiên đầu tư, cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, trưng bày, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm làng nghề tại các xã vùng cao, vùng khó khăn; hỗ trợ hình thành các mô hình trải nghiệm tại làng nghề gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sản xuất nông nghiệp truyền thống và nghề thủ công. Tạo điều kiện tổ chức các điểm, gian hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm làng nghề tại các điểm du lịch, trung tâm văn hóa, khu du lịch cộng đồng và các sự kiện văn hóa - du lịch của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích, không gian văn hóa gắn với nghề và làng nghề truyền thống, đặc biệt là các giá trị văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc. Khuyến khích tổ chức, phục dựng và duy trì các lễ hội truyền thống, hoạt động văn hóa dân gian, trình diễn nghề gắn với sinh hoạt cộng đồng; từng bước xây dựng, hoàn thiện câu chuyện sản phẩm, lịch sử làng nghề nhằm phục vụ công tác tuyên truyền, quảng bá. Khuyến khích nghệ nhân, thợ giỏi nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến mẫu mã sản phẩm trên cơ sở giữ gìn giá trị truyền thống, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng phục vụ du lịch cho người dân trong các làng nghề, nhất là tại khu vực vùng cao.

- Tổ chức liên kết sản xuất của làng nghề theo chuỗi giá trị, ưu tiên các mô hình Tổ hợp tác, Hợp tác xã phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ, phân tán; gắn phát triển làng nghề với phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Tập trung nâng cao chất lượng, giá trị và bản sắc sản phẩm làng nghề; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm làng nghề với thị trường du lịch trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân trong các làng nghề thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường; ưu tiên đầu tư, hỗ trợ xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thải phù hợp với điều kiện địa hình miền núi, quy mô làng nghề nhỏ. Khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật sản xuất truyền thống kết hợp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu tác động đến môi trường, hướng tới phát triển làng nghề bền vững, hài hòa với cảnh quan tự nhiên khu vực vùng cao.

6. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề thông qua việc tham gia các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại của Trung ương và của tỉnh; lồng ghép hiệu quả với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tại làng nghề tham gia các hội chợ, triển lãm, sự kiện kết nối cung cầu, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài tỉnh; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ các chủ thể sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm thông qua cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn mác; xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin sản phẩm, từng bước tiêu chuẩn hóa chất

lượng theo yêu cầu của thị trường. Khuyến khích các cơ sở sản xuất tại làng nghề tham gia Chương trình OCOP nhằm nâng cao giá trị, khả năng nhận diện và mở rộng thị trường tiêu thụ bền vững cho sản phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển các kênh tiêu thụ sản phẩm gắn với du lịch, hỗ trợ xây dựng và khai thác hiệu quả các điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm làng nghề tại các khu, điểm du lịch, trung tâm văn hóa, không gian du lịch cộng đồng và các sự kiện du lịch trên địa bàn tỉnh. Qua đó, tăng cường quảng bá hình ảnh sản phẩm làng nghề gắn với văn hóa bản địa, góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và phát triển kinh tế nông thôn.

- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ theo hướng đa dạng hóa kênh phân phối trong nước, kết nối với thị trường ngoài tỉnh, gắn với nâng cao chất lượng, giá trị và bản sắc sản phẩm. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm truyền thống, sản phẩm có tiềm năng phát triển thành hàng hóa quy mô phù hợp với điều kiện của tỉnh, nhất là các sản phẩm truyền thống đặc trưng của khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các địa bàn có lợi thế phát triển làng nghề.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ sở sản xuất làng nghề với hệ thống phân phối, doanh nghiệp thương mại, các khu, điểm du lịch và chợ đầu mối; phát triển tiêu thụ sản phẩm thông qua các kênh bán lẻ hiện đại, thương mại điện tử, nền tảng số và du lịch trải nghiệm. Đồng thời, thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa làng nghề, vùng nguyên liệu và các chủ thể tiêu thụ nhằm chủ động nguồn cung, kiểm soát chất lượng và ổn định đầu ra cho sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn và phát triển bền vững ngành nghề nông thôn, làng nghề tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư và các chủ thể sản xuất về vai trò, vị trí của làng nghề, ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế nông thôn, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng nông thôn mới. Tổ chức phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chương trình, đề án của Trung ương và của tỉnh về bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

- Đa dạng hình thức thông tin, tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội; biên soạn, phát hành các ấn phẩm giới thiệu làng nghề, nghề truyền thống dưới nhiều hình thức như sách ảnh, tờ gấp, pano, biển chỉ dẫn làng nghề, video quảng bá phục vụ khách du lịch. Tăng cường tuyên truyền gắn với hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, lễ hội truyền thống nhằm quảng bá hình ảnh làng nghề, sản phẩm đặc trưng của tỉnh, nhất là các làng nghề vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong công tác tuyên truyền, quảng bá; vận động người dân ưu tiên sử dụng, trưng bày, giới thiệu các sản phẩm làng nghề, góp phần nâng cao ý thức bảo tồn và phát triển bền vững ngành nghề truyền thống.

2. Đào tạo nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho làng nghề, ngành nghề nông thôn theo hướng nâng cao tay nghề, năng lực quản lý và khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường. Hỗ trợ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động và chủ cơ sở sản xuất theo quy định của Trung ương, phù hợp với từng nhóm ngành nghề và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cho nghệ nhân, thợ giỏi về kỹ năng truyền nghề, phương pháp giảng dạy, thiết kế, cải tiến mẫu mã sản phẩm theo xu hướng thị trường. Khuyến khích nghệ nhân trực tiếp tham gia đào tạo, truyền nghề cho lao động trẻ, lao động tại chỗ, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống.

- Tăng cường đào tạo cho người lao động trong các làng nghề về kỹ năng nghề, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, kiến thức công nghệ thông tin cơ bản; đồng thời hỗ trợ đào tạo cho người sử dụng lao động, cán bộ quản lý hợp tác xã, doanh nghiệp làng nghề về quản trị sản xuất, quản lý tài chính, marketing, thương mại điện tử và chuyển đổi số.

3. Khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Khuyến khích và hỗ trợ các làng nghề, cơ sở sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm ngành nghề nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị phù hợp với quy mô sản xuất của hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp làng nghề; thúc đẩy áp dụng các quy trình sản xuất tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường.

- Tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi phục vụ đổi mới công nghệ, phát triển ngành nghề nông thôn; tăng cường hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa hình, nguồn nguyên liệu và trình độ lao động của từng vùng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm làng nghề; hỗ trợ xây dựng dữ liệu số về làng nghề, sản phẩm làng nghề; thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số trong kết nối thị trường, từng bước gắn phát triển làng nghề với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn theo định hướng của Trung ương.

4. Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề theo các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, của tỉnh và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp làng nghề tham gia hội chợ, triển lãm, sự kiện kết nối cung - cầu trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu cho sản phẩm làng nghề thông qua thiết kế, cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn mác; xây dựng và quản lý nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý theo quy định. Khuyến khích các chủ thể sản xuất tham gia Chương trình OCOP, từng bước tiêu chuẩn hóa sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường.

- Tăng cường liên kết giữa phát triển làng nghề với du lịch; hỗ trợ xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm tại các khu, điểm du lịch, trung tâm văn hóa, du lịch cộng đồng; phát triển các tour, tuyến du lịch làng nghề gắn với trải nghiệm nghề truyền thống và tiêu thụ sản phẩm.

5. Mặt bằng, hạ tầng phục vụ sản xuất

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; bố trí hợp lý khu sản xuất, khu tập kết nguyên vật liệu, khu dịch vụ, trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm phù hợp với từng loại hình làng nghề và điều kiện thực tế của địa phương. Quy hoạch phát triển làng nghề gắn với các điểm, tuyến du lịch, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng thiết yếu phục vụ làng nghề như giao thông, điện, nước, thủy lợi, thông tin liên lạc, hệ thống thu gom và xử lý chất thải; từng bước cải thiện điều kiện sản xuất, sinh hoạt cho người dân, nhất là tại các làng nghề vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Công tác bảo vệ môi trường làng nghề

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; yêu cầu các cơ sở sản xuất, hộ gia đình trong làng nghề thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Khuyến khích áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, tái sử dụng phụ phẩm nông, lâm nghiệp và giảm thiểu phát sinh chất thải.

- Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề, bao gồm hệ thống thu gom, thoát nước, xử lý nước thải (nếu có), điểm tập kết, thu gom và xử lý chất thải rắn; từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại khu dân cư, cải thiện cảnh quan, tạo môi trường xanh - sạch - đẹp, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và phát triển bền vững ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý; lồng ghép kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo các quy định pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Chủ trì triển khai các nội dung liên quan đến bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất; tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương lồng ghép các chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để hỗ trợ phát triển làng nghề; hướng dẫn xây dựng, thực hiện các phương án bảo vệ môi trường làng nghề; triển khai các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường, phát triển bền vững.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch. Tham mưu cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất ngành nghề nông thôn, làng nghề; hỗ trợ đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm làng nghề.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng, bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm làng nghề; hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển làng nghề.

- Chủ trì, phối hợp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề; hỗ trợ xây dựng, vận hành các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử, hệ thống quảng bá trực tuyến phục vụ phát triển làng nghề; hướng dẫn các cơ sở sản xuất tiếp cận và sử dụng hiệu quả các công cụ số, thương mại điện tử, mạng xã hội theo quy định.

4. Sở Công Thương

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm và mở rộng thị trường; phối hợp các địa phương thiết lập hệ thống thị trường gắn kết tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên nguồn kinh phí khuyến công để hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ngành thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ ở khu vực nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm ngành nghề nông thôn của tỉnh; hỗ trợ chuyển đổi số trong quản lý và phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường triển khai các hoạt động phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề gắn với bảo vệ môi trường, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch đặc sắc của ngành nghề nông thôn gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống địa phương.

- Lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển du lịch gắn với bảo tồn, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hoá nghề, làng nghề; khôi phục, tổ chức các lễ hội hoạt động văn hoá dân gian, phát huy các giá trị văn hoá của làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hoá.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội; các chủ trương, định hướng, chính sách phát triển, các quy định của pháp luật về phát triển ngành.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai công tác đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng cho lao động nông thôn, lao động tại các làng nghề theo quy định; định hướng đào tạo gắn với nhu cầu thực tế của từng làng nghề, từng nhóm ngành nghề nông thôn; khuyến khích sự tham gia của nghệ nhân, thợ giỏi trong công tác giảng dạy, truyền nghề, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống.

- Chỉ đạo các cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo tại chỗ, truyền nghề trong cộng đồng làng nghề.

- Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp gắn với ngành nghề nông thôn, làng nghề trong các cơ sở giáo dục phù hợp; hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan, tìm hiểu làng nghề cho học sinh, qua đó nâng cao nhận thức, khơi dậy ý thức gìn giữ và phát triển nghề truyền thống của địa phương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia phát triển ngành nghề nông thôn theo Kế hoạch; nhất là tăng cường liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với tiêu thụ hình thành chuỗi, khắc phục hạn chế sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết; tích cực đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường các làng nghề, khu vực sản xuất tập trung.

- Tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển sinh kế, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

8. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức thực hiện thiết thực, hiệu quả; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề. Gắn việc triển khai thực hiện kế hoạch với thu hút, tạo việc làm tại chỗ cho người lao động trên địa bàn.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn. Đặc biệt là các làng nghề có sản phẩm phục vụ du lịch phải bảo đảm trật tự, cảnh quan, môi trường và bản sắc văn hóa dân tộc bảo vệ, phát huy có hiệu quả.

- Chủ động cân đối bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách theo phân cấp quản lý và lồng ghép kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung của kế hoạch.

(Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu tại phụ lục 03 kèm theo)

Yêu cầu các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp). Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết.

Kế hoạch này thay thế các Kế hoạch: Số 05/KH-UBND ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) về triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng giai đoạn 2026 - 2030; số 241/KH-UBND ngày 28/10/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) về thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2030; số 138/KH-UBND ngày 12/7/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) về thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KTN (Toán).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phụ lục 01

DANH SÁCH CÁC LÀNG NGHỀ CẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày / /2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm dân tộc Tày	Xuân Giang	2010	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
2	Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm dân tộc Pà Thẻn	Tân Trịnh	2010	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030
3	Làng nghề truyền thống sản xuất giấy bản dân tộc Dao thôn Thanh Sơn	Bắc Quang	2012	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
4	Làng nghề thêu dệt may mặc trang phục dân tộc Phó Bảng	Phổ Bảng	2011	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030
5	Làng nghề thêu dệt, may mặc trang phục dân tộc Lô Lô	Mèo Vạc	2011	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
6	Làng nghề thêu, dệt thổ cẩm trang phục dân tộc Lô Lô	Lũng Cú	2012	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
7	Làng nghề nấu rượu ngô Thanh Vân	Nghĩa Thuận	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
8	Làng nghề May mặc trang phục dân tộc Mông	Sà Phìn	2016	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030
9	Làng nghề may mặc trang phục dân tộc Lô Lô, Mông thôn Đoàn Kết	Sà Phìn	2022	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
10	Làng nghề sản xuất và kinh doanh hoa, cây cảnh thôn Mỹ Tân	Tân Quang	2022	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
11	Làng nghề Chè thôn Vĩnh Tân	Tân Trào	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
12	Làng nghề Chè thôn Trung Long	Tân Trào	2021	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
13	Làng nghề Chè thôn Liên Phương	Sơn Dương	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
14	Làng nghề Chè thôn Đồng Đài	Sơn Dương	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
15	Làng nghề Chè thôn Cậy	Minh Thanh	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028

Phụ lục 02

DANH SÁCH CÁC LÀNG NGHỀ CẦN HỖ TRỢ KHÔI PHỤC, BẢO TỒN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày / /2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Làng nghề truyền thống nấu rượu thóc Nàng Đôn	Pồ Ly Ngải	2010	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
2	Làng nghề dệt thổ cẩm Lùng Tao	Cao Bồ	2010	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
3	Làng nghề chế biến chè Nà Thác	Hà Giang 1	2011	UBND phường	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
4	Làng nghề chế biến chè Khuổi My	Hà Giang 1	2011	UBND phường	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
5	Làng nghề chế biến chè Tân An	Hùng An	2011	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
6	Làng nghề nấu rượu ngô Tiên Kiều	Hùng An	2015	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
7	Làng nghề chế biến chè Tân Lập	Vĩnh Tuy	2011	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
8	Làng nghề chế biến chè Tân Long	Vĩnh Tuy	2011	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
9	Làng nghề chế biến chè Tân Thành	Vĩnh Tuy	2011	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
10	Làng nghề chế biến chè Phìn Hồ	Thông Nguyên	2012	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
11	Làng nghề chế biến chè Shan tuyết thôn Nậm Chàng	Thông Nguyên	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
12	Làng nghề đan lát dân tộc Clao	Sà Phìn	2013	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
13	Làng nghề sản xuất hương nhang sạch dân tộc Mông	Sà Phìn	2015	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
14	Làng nghề May mặc trang phục dân tộc Mông	Sà Phìn	2016	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030
15	Làng nghề chổi chít thị trấn Việt Lâm	Vị Xuyên	2013	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
16	Làng nghề đan lát thôn Khiêm	Bắc Quang	2013	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
17	Làng nghề rèn đúc nông cụ sản xuất	Xín Mần	2013	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
18	Làng nghề rượu ngô men lá Há Ấa	Khâu Vai	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
19	Làng nghề chế tác khèn Mông	Lũng Phìn	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
20	Làng nghề đan lát thủ công Lùng Chín Hạ	Thàng Tín	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
21	Làng nghề dệt thổ cẩm dân tộc Tày thôn Chang	Xuân Giang	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
22	Làng nghề chế biến chè Shan tuyết thôn Quang Sơn	Tiên Nguyên	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030

24	Làng nghề thêu dệt vải lanh Lùng Tám	Lùng Tám	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
25	Làng nghề chế biến chè Bản Vẽ	Khuôn Lùng	2014	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
26	Làng nghề rèn, đúc lưỡi cày của dân tộc Mông	Đồng Văn	2015	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
28	Làng nghề dệt vải thôn Na Lếng	Bản Máy	2015	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
29	Làng nghề thêu dệt thổ cẩm Nùng U	Nấm Dẩn	2015	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
30	Làng nghề May mặc trang phục dân tộc Dao	Sùng Máng	2016	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2029
31	Làng nghề rượu ngô men lá của dân tộc Mông	Lũng Cú	2017	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
32	Làng nghề mây tre đan Nà Ràng	Khuôn Lùng	2017	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030
33	Làng nghề nấu rượu ngô men lá thôn Chì	Xuân Giang	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2030
34	Làng nghề bánh chưng gù Bản Tuyền	Ngọc Đường	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
35	Làng nghề rượu ngô men lá Phú Nam	Đường Hồng	2019	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
36	Làng nghề rượu ngô men lá Bản Lạn	Bắc Mê	2021	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
37	Làng nghề Chè thôn Đồng Hoan	Sơn Dương	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027
38	Làng nghề Chè thôn Cây Thị	Sơn Dương	2021	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2028
39	Làng nghề Chè thôn Yên Thượng	Tân Trào	2018	UBND xã	Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan	2027

Phụ lục 03

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

**Thực hiện Kế hoạch bảo tồn, phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày / /2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Phát triển ngành nghề nông thôn			
1	Hướng dẫn, triển khai công tác đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng cho lao động nông thôn, lao động tại các làng nghề theo quy định; định hướng gắn hoạt động giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu lao động của từng nhóm ngành nghề nông thôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
2	Chỉ đạo các cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo tại chỗ, truyền nghề trong cộng đồng làng nghề theo quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
3	Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	UBND các xã, phường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
4	Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại; Đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm ngành nghề nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
5	Hỗ trợ mở lớp dạy nghề, truyền nghề (dệt, mây tre, rèn, chế tác sản phẩm từ gỗ,...) để giữ gìn kỹ thuật, bí quyết nghề gắn với tôn vinh nghề nhân và truyền dạy cho thế hệ trẻ; tập huấn năng lực quản lý, marketing sản phẩm cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan	2026-2030
7	Nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình, giải pháp khoa học, kỹ thuật phù hợp phát triển ngành nghề nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2045
II	Bảo tồn và phát triển làng nghề			
1	Khuyến khích sự tham gia của nghệ nhân, thợ giỏi trong hoạt động giảng dạy, truyền nghề thông qua các cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và cộng đồng làng nghề, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
2	Lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp gắn với ngành nghề nông thôn, làng nghề trong các cơ sở giáo dục phù hợp; hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động trải nghiệm, tham quan, tìm hiểu làng nghề cho học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
3	Rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận; Đề xuất các giải pháp hỗ trợ bảo tồn làng nghề có nguy cơ mai một và khảo sát đánh giá phát triển làng nghề mới khi đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định, có tiềm năng phát triển.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
4	Xây dựng, phát triển mô hình “làng nghề gắn với du lịch cộng đồng”	UBND các xã, phường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý, theo dõi, bảo tồn và phát triển làng nghề	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2045
III	Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề, ngành nghề			
1	Quy hoạch vùng sản xuất tập trung gắn với đặc thù từng làng nghề (mây tre, dệt, gốm, chế biến nông sản, thủy sản,...) bảo đảm diện tích, sản lượng ổn định, phù hợp nhu cầu chế biến và thị trường	UBND các xã, phường	Các Sở, ban ngành của tỉnh và các đơn vị có liên quan	2026-2030
2	Tập huấn kỹ thuật sản xuất, quản lý vùng nguyên liệu cho nông dân; Đưa các loại giống mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
3	Đẩy mạnh liên kết giữa vùng nguyên liệu với các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn, làng nghề	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
IV	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường			
1	Rà soát, hoàn thiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề; đề xuất đầu tư, nâng cấp hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bao gồm hệ thống thu gom, thoát nước, xử lý nước thải (nếu có), điểm tập kết, thu gom và xử lý chất thải rắn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường, phù hợp với điều kiện thực tế và quy mô của từng làng nghề.	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường), Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	2026-2030
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề; thành lập, duy trì tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, hộ gia đình trong làng nghề, nâng cao ý thức chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và sản xuất bền vững.	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường)	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
V	Phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề gắn với du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng nông thôn mới			
1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phục vụ du lịch cho cộng đồng dân cư làng nghề (đón tiếp khách, thuyết minh, trình diễn nghề, bảo vệ môi trường, gìn giữ bản sắc văn hóa)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
2	Thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo không gian văn hóa, lễ hội, di sản gắn với làng nghề truyền thống; khai thác các giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
3	Tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá, giới thiệu du lịch làng nghề, du lịch nông thôn thông qua các sự kiện văn hóa - du lịch của tỉnh; hội chợ, triển lãm, diễn đàn xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh; lồng ghép giới thiệu sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP phục vụ du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
4	Tổ chức kết nối, giới thiệu làng nghề với doanh nghiệp lữ hành, cơ sở kinh doanh du lịch để xây dựng Tour, tuyến du lịch trải nghiệm làng nghề, du lịch nông thôn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
VI	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm			
1	Triển khai thực hiện Kế hoạch xúc tiến thương mại tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030
2	Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026-2030